

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng - (01012)

Ngày thi: 12/01/21 Giờ thi: Phòng thi: PH11

Giám thị 1: Quang Bang Ký tên: Me

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002				C22TH1	
2	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002				C22TH1	
3	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002		7.6	Bảy, Sáu	C22TH1	
4	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2000		7.6	Bảy, Sáu	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001		6.0	Sáu	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002		7.2	Bảy, Hai	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002		3.6	Ba, Sáu	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002		4.0	Bốn	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999		6.4	Sáu, Bốn	C22TH1	
10	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002		8.4	Tám, Bốn	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002		8.4	Tám, Bốn	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001		7.6	Bảy, Sáu	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997		5.6	Năm, Sáu	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002		3.6	Ba, Sáu	C22TH1	
15	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002		8.4	Tám, Bốn	C22TH1	
16	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002		5.6	Năm, Sáu	C22TH1	
17	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001		4.8	Bốn, Tám	C22TH1	
18	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002		6.8	Sáu, Tám	C22TH1	
19	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002		8.8	Tám, Tám	C22TH1	
20	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002		6.4	Sáu, Bốn	C22TH1	
21	2010010009	Lý Võ Phát	14/10/2001		6.0	Sáu	C22TH1	
22	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002		6.4	Sáu, Bốn	C22TH1	
23	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002		5.6	Năm, Sáu	C22TH1	
24	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002		4.0	Bốn	C22TH1	
25	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002		3.6	Ba, Sáu	C22TH1	
26	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002				C22TH1	
27	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002		8.0	Tám	C22TH1	
28	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002		7.2	Bảy, Hai	C22TH1	
29	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002		4.4	Bốn, Bốn	C22TH1	
30	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002		6.8	Sáu, Tám	C22TH1	
31	2010010033	Phạm Cô Hoàng Vũ	30/11/2002		8.4	Tám, Bốn	C22TH1	
32	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002		6.0	Sáu	C22TH1	
					7.2	Bảy, Hai	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 02 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

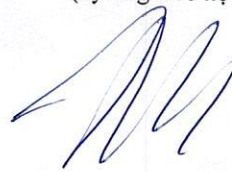


ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 12 tháng 07 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

TRƯỞNG

KHẢO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng - (01012)

Ngày thi: 28/2/21 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Quang Sáng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>[Signature]</u>			C22TH1	
2	2010010027	Dur Hoài Bảo	24/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
3	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
4	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2000	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Điệp	15/02/2001	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tam	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhật Hào	23/04/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chim, Nam	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999	<u>[Signature]</u>	9.0	Chim	C22TH1	
10	2010010008	Đương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bay	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
15	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
16	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chim, Nam	C22TH1	
17	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>[Signature]</u>	8.0	Tam	C22TH1	
18	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chim, Nam	C22TH1	
19	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
20	2010010016	Son Thanh Nguyên	13/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
21	2010010009	Lý Vũ Phát	14/10/2001	<u>[Signature]</u>	9.5	Chim, Nam	C22TH1	
22	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
23	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chim, Nam	C22TH1	
24	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
25	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002	<u>[Signature]</u>			C22TH1	
26	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chim, Nam	C22TH1	
27	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chim, Nam	C22TH1	
28	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chim	C22TH1	
29	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
30	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
31	2010010033	Phạm Cô Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	
32	2010010017	Son Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tam, Nam	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 02 . Số bài thi: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 28 tháng 02 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

TRƯỜNG

KHẢO



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng - (01012)

Ngày thi: 12/01/21 Giờ thi: _____ Phòng thi: PM-1

Giám thị 1: Quang Sáng Ký tên: M

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Bao</u>	7.6	Bảy, Sáu	C22TH2	
2	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Ba</u>	7.6	Bảy, Sáu	C22TH2	
3	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Binh</u>	3.6	Ba, Sáu	C22TH2	
4	2010010058	Phạm Hữu Cường	05/11/2002	<u>Cuong</u>			C22TH2	
5	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>Duong</u>	6.0	Sáu	C22TH2	
6	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>Dao</u>	5.6	Năm, Sáu	C22TH2	
7	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Hao</u>	7.2	Bảy, Hai	C22TH2	
8	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Hoi</u>	6.4	Sáu, Bốn	C22TH2	
9	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Hung</u>	4.8	Bốn, Tám	C22TH2	
10	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Kh</u>	6.0	Sáu	C22TH2	
11	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>Long</u>	5.0	Năm	C22TH2	
12	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>Nghia</u>	8.4	Tám, Bốn	C22TH2	
13	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>Nghia</u>	6.0	Sáu	C22TH2	
14	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>Phap</u>	5.2	Năm, Hai	C22TH2	
15	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>Phi</u>	4.4	Bốn, Bốn	C22TH2	
16	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	<u>Phuong</u>	3.2	Ba, Hai	C22TH2	
17	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>Quoc</u>	6.8	Sáu, Tám	C22TH2	
18	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>Son</u>	4.4	Bốn, Bốn	C22TH2	
19	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	<u>Tai</u>	6.0	Sáu	C22TH2	
20	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>Tan</u>	7.2	Bảy, Hai	C22TH2	
21	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>Thai</u>	4.4	Bốn, Bốn	C22TH2	
22	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<u>Tham</u>	6.4	Sáu, Bốn	C22TH2	
23	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>Trung</u>	7.2	Bảy, Hai	C22TH2	
24	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhật Tuấn	15/04/2002	<u>Tuan</u>	6.8	Sáu, Tám	C22TH2	
25	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>Vinh</u>	4.4	Bốn, Bốn	C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01 . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 12 tháng 01 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng - (01012)

Ngày thi: 25/2/21 Giờ thi: Phòng thi:

Giám thị 1: Nguyễn Văn Ký tên: Nguyễn Văn

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Bảo</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
2	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Bá</u>	9.5	Chín, Năm	C22TH2	
3	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Bình</u>	8.0	Tám	C22TH2	
4	2010010058	Phạm Hữu Cường	05/11/2002	<u>Cường</u>			C22TH2	
5	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>Dương</u>	6.5	Sáu, Năm	C22TH2	
6	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>Đào</u>	6.5	Sáu, Năm	C22TH2	
7	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Hào</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
8	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Hoài</u>	8.0	Tám	C22TH2	
9	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Hùng</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
10	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Khánh</u>	8.0	Tám	C22TH2	
11	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>Long</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
12	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>Nghĩa</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
13	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>Nghĩa</u>	6.5	Sáu, Năm	C22TH2	
14	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>Pháp</u>	9.0	Chín	C22TH2	
15	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>Phi</u>	8.0	Tám	C22TH2	
16	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	<u>Phương</u>	8.0	Tám	C22TH2	
17	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>Quốc</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
18	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>Sơn</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
19	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	<u>Tài</u>	9.5	Chín, Năm	C22TH2	
20	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>Tân</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
21	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>Thái</u>	9.0	Chín	C22TH2	
22	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<u>Thắm</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
23	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>Trung</u>	9.5	Chín, Năm	C22TH2	
24	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt Tuấn	15/04/2002	<u>Tuấn</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	
25	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>Vinh</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 01 Số bài thi: 1Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: %Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 05 tháng 04 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng - (01012)

Ngày thi: 12/11/2021 Giờ thi: _____ Phòng thi: PM-1

Giám thị 1: Quang Sáng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001	<u>An</u>			C22TH3	
2	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>Bình</u>	7.6	Bảy, Sáu	C22TH3	
3	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>Dự</u>	6.8	Sáu, Tám	C22TH3	
4	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	<u>Hà</u>	6.0	Sáu	C22TH3	
5	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>Hải</u>	5.6	Năm, Sáu	C22TH3	
6	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002	<u>Hậu</u>	4.4	Bốn, Bốn	C22TH3	
7	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>Hiếu</u>	6.8	Sáu, Tám	C22TH3	
8	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>Huy</u>	4.8	Bốn, Tám	C22TH3	
9	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>Khang</u>	6.4	Sáu, Bốn	C22TH3	
10	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>My</u>	5.2	Năm, Hai	C22TH3	
11	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>Nghĩa</u>	5.2	Năm, Hai	C22TH3	
12	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>Phong</u>	5.2	Năm, Hai	C22TH3	
13	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	<u>Tâm</u>	7.2	Bảy, Hai	C22TH3	
14	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	<u>Tất</u>	6.4	Sáu, Bốn	C22TH3	
15	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<u>Thành</u>	6.8	Sáu, Tám	C22TH3	
16	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<u>Thịnh</u>	2.4	Hai, Bốn	C22TH3	
17	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<u>Thư</u>	5.2	Năm, Hai	C22TH3	
18	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	<u>Trí</u>	4.8	Bốn, Tám	C22TH3	
19	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>Tuấn</u>	6.8	Sáu, Tám	C22TH3	
20	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>Vi</u>	6.8	Sáu, Tám	C22TH3	
21	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>Vũ</u>	8.0	Tám	C22TH3	
22	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>Yến</u>	7.6	Bảy, Sáu	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 01 . Số bài thi: 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: %

Ngày 05 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày in: 10-11-26/01/2021

Ngày 12 tháng 01 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng - (01012)

Ngày thi: 22/12/21 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Quang Sáng Ký tên: MS

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001	<u>An</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
2	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>Bình</u>	9.5	Chín, Năm	C22TH3	
3	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>Dự</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
4	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	<u>Hà</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
5	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>Hải</u>	9.5	Chín, Năm	C22TH3	
6	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002	<u>Hậu</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
7	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>Hiếu</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
8	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>Huy</u>	9.0	Chín	C22TH3	
9	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>Khang</u>	8.0	Tám	C22TH3	
10	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>My</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
11	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>Nghĩa</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
12	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>Phong</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
13	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	<u>Tâm</u>	9.0	Chín	C22TH3	
14	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	<u>Tất</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
15	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<u>Thành</u>	9.0	Chín	C22TH3	
16	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<u>Thịnh</u>	6.5	Sáu, Năm	C22TH3	
17	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<u>Thư</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
18	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	<u>Trí</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
19	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>Tuấn</u>	8.0	Tám	C22TH3	
20	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>Vi</u>	9.5	Chín, Năm	C22TH3	
21	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>Vũ</u>	8.5	Tám, Năm	C22TH3	
22	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>Yến</u>	8.0	Tám	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 03 , Số bài thi: 1 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 05 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

MS

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày in: 10-16 26/01/2021

Ngày 22 tháng 02 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

MS

ThS. Phạm Quang Sáng

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng

Ngày thi: 06/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: P.T. Tường

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: P.A. Hằng

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010027	Dur Hoài Bảo	24/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
2	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
3	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
4	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
5	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
6	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
7	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
8	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2000	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
9	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
10	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
11	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
12	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
13	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
14	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
15	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
16	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
17	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
18	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
19	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
20	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
21	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
22	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
23	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
24	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
25	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
26	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
27	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
28	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
29	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
30	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
31	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
32	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001					C22TH3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...19...tháng...4...năm...2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

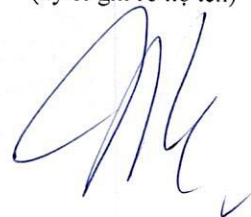


ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày...06...tháng...4...năm...2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng





BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng

Ngày thi: 06/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Phạm Văn Dũng

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lo Truỵ Sơn

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
2	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
3	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
4	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
5	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
6	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
7	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
8	2010010009	Lý Vũ Phát	14/10/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
9	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
10	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
11	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
12	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
13	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
14	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
15	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
16	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
17	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lắp ráp và cài đặt máy tính - MH1101037

Mã lớp học phần: MH110103701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Quang Sáng

Ngày thi: 06/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Đặng Thanh Linh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Phú Hòa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
2	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
3	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
4	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
5	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
6	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
7	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
8	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
9	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
10	2010010062	Huỳnh Thị Vân	03/12/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
11	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
12	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
13	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
14	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
15	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
16	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
17	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
18	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
19	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhứt Tuấn	15/04/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
20	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH1	
21	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
22	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH2	
23	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 23 / 1 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Lắp ráp và cài đặt máy tính

Mã bài thi: 2VRH7P

Thời gian thi: 06/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 06/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: P.T. Tùng Ký tên: P.T. TùngGiám thị 2: P.C. Quang Ký tên: P.C. Quang

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Bá</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH2	
2	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Bảo</u>	8.8	Tám, tám	C22TH2	
3	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002	<u>Bảo</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
4	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Bình</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH2	
5	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>Bình</u>	8	Tám	C22TH2	
6	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002	<u>Đạt</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TH1	
7	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001	<u>Diệp</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH1	
8	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>Dự</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT1	
9	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>Đức</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	
10	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>Dũng</u>	8.8	Tám, tám	C22TH1	
11	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>Hải</u>	8.2	Tám, hai	C22TH3	
12	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Hào</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH2	
13	2010010015	Phan Nhật Hào	23/04/2002	<u>Hào</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
14	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>Hiền</u>	8.8	Tám, tám	C22TH1	
15	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>Hiếu</u>	8.8	Tám, tám	C22TH2	
16	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999	<u>Hóa</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
17	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Hoài</u>	5.4	Năm, bốn	C22TH2	
18	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Hùng</u>	9	Chín	C22TH3	
19	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>Huy</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	
20	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>Huy</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH3	
21	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>Khang</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH3	
22	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>Khang</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
23	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>Khánh</u>	9	Chín	C22TH1	
24	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Khánh</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH2	
25	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002	<u>Khoa</u>	6.8	Sáu, tám	C22TH1	
26	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>Lâm</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH1	
27	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>Linh</u>	8	Tám	C22TH1	
28	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>Linh</u>	5.6	Năm, sáu	C22TH1	
29	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>Long</u>	5.2	Năm, hai	C22TH2	
30	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<u>Ly</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	
31	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>Mai</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
32	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>My</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

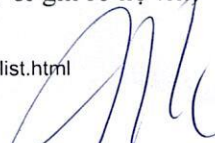
Số sinh viên dự thi: 32

Số sinh viên đạt: 32

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Quang Sáng
Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Quang Sáng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Lắp ráp và cài đặt máy tính

Mã bài thi: 65HGOA

Thời gian thi: 06/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 06/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Đặng Thanh Sơn Ký tên: Sơn

Giám thị 2: Trần Thị Hòa Ký tên: Hòa

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<u>Quy</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH1	
2	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>Sơn</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
3	2010010046	Nguyễn Tân Tài	03/08/2002	<u>Tài</u>	8.2	Tám, hai	C22TH2	
4	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002	<u>Tài</u>	9	Chín	C22TH1	
5	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	<u>Tâm</u>	9.2	Chín, hai	C22TH3	
6	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>Tân</u>	9.2	Chín, hai	C22TH2	
7	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	<u>Tất</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH3	
8	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>Thái</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH2	
9	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<u>Thắm</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH2	
10	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<u>Thành</u>	8	Tám	C22TH3	
11	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<u>Thông</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH1	
12	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<u>Thư</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH3	
13	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<u>Thuận</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH1	
14	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<u>Trí</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH1	
15	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<u>Trí</u>	6	Sáu	C22TH1	
16	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	<u>Trí</u>	5.8	Năm, tám	C22TH3	
17	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>Trung</u>	8.2	Tám, hai	C22TH2	
18	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhật Tuấn	15/04/2002	<u>Tuấn</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH2	
19	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>Tuấn</u>	7.6	Bảy, sáu	C22DDT	
20	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/10/2002	<u>Tuyền</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH1	
21	2010120003	Phạm Thị Thủy Vi	21/11/2002	<u>Vi</u>	8.2	Tám, hai	C22TH3	
22	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>Vinh</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
23	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>Vũ</u>	8	Tám	C22TH3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Lắp ráp và cài đặt máy tính

Mã bài thi: LKM130

Thời gian thi: 06/04/2021 09:30:00

Thời gian kết thúc: 06/04/2021 10:30:00

Giám thị 1: Phạm Văn Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lê Trọng Nhân Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH2	
2	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TH2	
3	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
4	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH2	
5	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TH3	
6	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	
7	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C22TH2	
8	2010010009	Lý Văn Phát	14/10/2001	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TH1	
9	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C22TH3	
10	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22TH3	
11	2010010051	Trương Văn Phương	03/01/1999	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22TH2	
12	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH1	
13	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH2	
14	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH3	
15	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22TH1	
16	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	
17	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 17

Số sinh viên đạt: 17

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Quang Sáng